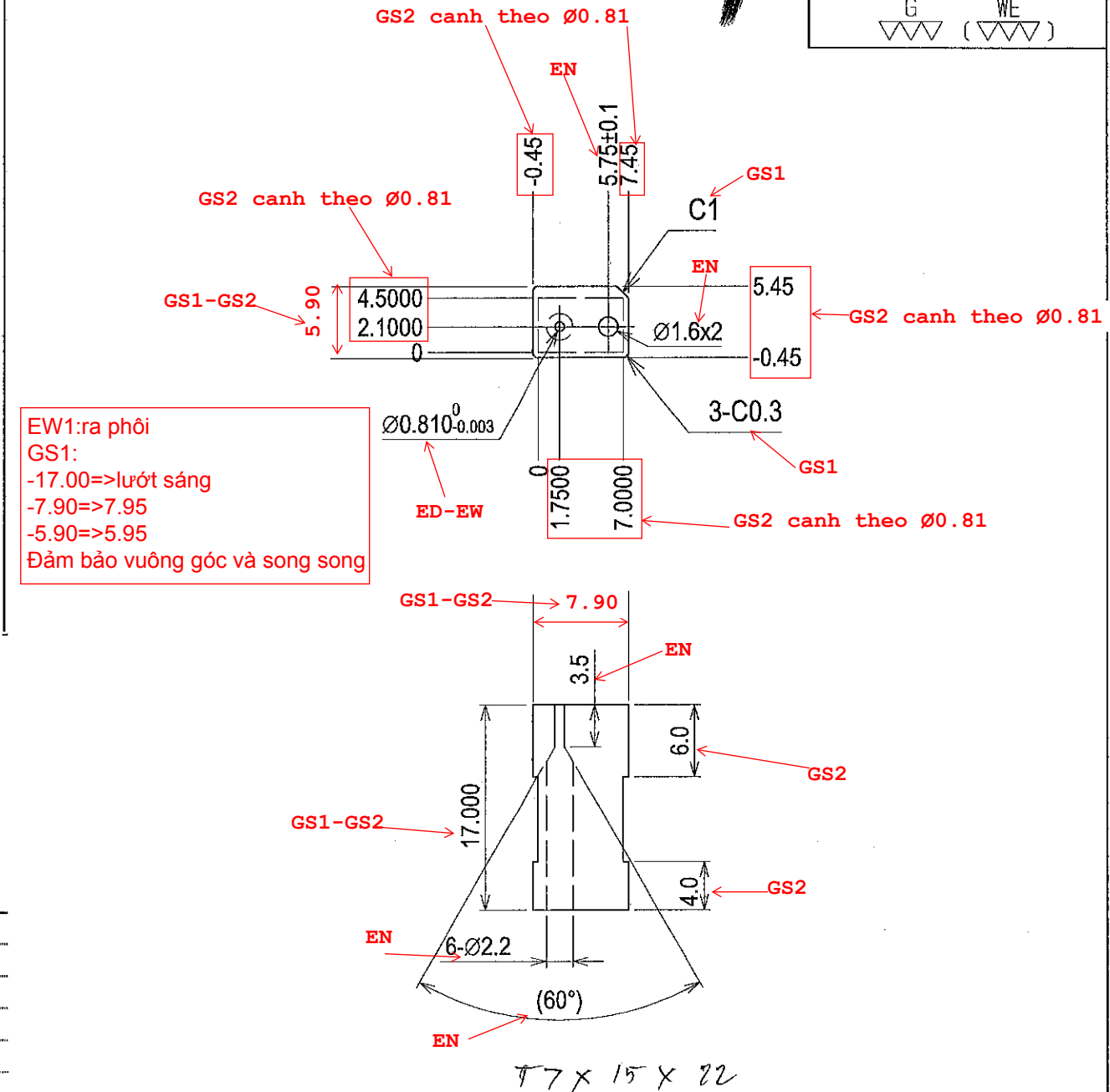


REV.	DATE	DESCRIPTION	REF.No.	DWN.	DSGND.	CHKD.	CUTTING TOLERANCE			
init.							0.0000	±0.002	0.000 +0	+0 -0.005
△							0.000	±0.005	0.000 -0	+0.005 -0
△							0.00	±0.01	0.00 +0	+0 -0.01
△							0.0	±0.1	0.00 -0	+0 -0.01
△							0.	±0.2	0.0 +0	+0 -0.1
							TOLERANCES NOT OTHERWISE SPECIFIED			
							FINISH MARKS			
							G WE ▽▽▽ (▽▽▽)			



CHKD.	MATERIAL	SCALE	TITLE	PARTS NAME
Cai_Wei_Feng	WC(D30/HIP)	1:1	部品図	ボス出しダイ
DSGND.	SURFACE	1:1	PART DRAWING	BOSSING DIE
Li_Xin_Xin		1:1	PART DRAWING	凸柱加工下模
DWN.	QUENCH&TEMPER	SIZE	DATE	DWG.No.
Li_Xin_Xin	HRC ~	A4	2018/12/03	R312399

MABUCHI MOTOR CO.,LTD.

SNO: **R312399**

SỐ PCS TỐI THIỂU/1 LẦN ĐẶT HÀNG:

NGƯỜI THIẾT LẬP: **10197**

DIỄN GIẢI	THỜI GIAN CHUẨN 1P
1.VẬT LIỆU: WCD30 T7 * 10 * 20	EW1:30 GS1:40 ED:30 EW2:60 GS2:120 EN:120 KT